

Số: 3135/2023/QĐST-DSST

Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 826/2023/DSST ngày 29/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đường T, phường T, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 04503, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14 tháng 4 năm 2023)

- Bị đơn: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C (gọi tắt là Công ty C)

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị N, sinh năm 1987 (Giấy ủy quyền số 20230518/GUQ_CP)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn có ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền và bị đơn có bà Hà Thị N là đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Công ty C xác nhận có ký 03 Hợp đồng hợp tác kinh doanh với bà Lê Thị V, cụ thể Hợp đồng số D55419 - HTKD/CP/2022 ngày 16/01/2022 vốn đầu tư: 120.000.000 đồng; Hợp đồng số D56963 - HTKD/CP/2022 ngày 20/02/2022, vốn đầu tư còn lại: 480.000.000 đồng; Hợp đồng số D57561 - HTKD/CP/2022 ngày 08/3/2022, vốn đầu tư còn lại: 360.000.000 đồng. Tổng cộng số vốn đầu tư ban đầu của 03 hợp đồng trên có giá trị là 960.000.000 đồng.

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C xác nhận còn nợ bà V số tiền nợ gốc là: 905.383.333 đồng.

Nay do tình hình kinh tế khó khăn, Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C cam kết thanh toán cho bà Lê Thị V với phương thức thanh toán như sau:

Từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi kết thúc Hợp đồng, Công ty cam kết phân chia lợi nhuận cho khách hàng theo đúng Điều 4 của các Hợp đồng hợp tác kinh doanh và các Phụ lục là 12.5%/ tháng, bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi tính trên tổng số tiền đầu tư ban đầu của 03 Hợp đồng là 960.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Trường hợp Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo thời hạn trên thì bà Lê Thị V được quyền ngay lập tức yêu cầu Cơ quan thi hành án thẩm quyền thi hành ngay số tiền nợ gốc là: 905.383.333 đồng cho bà Lê Thị V và lãi suất là 10%/ năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Về án phí: Về án phí hòa giải thành là 19.580.750 đồng, bà Lê Thị V và Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C mỗi bên phải chịu 1/2 án phí, tương ứng với số tiền là 9.790.375 đồng. Hoàn lại cho bà Lê Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.141.009 (*Mười một triệu một trăm bốn mươi một nghìn không trăm lẻ chín đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0003566 ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập. Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn C chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga